CHỈNH LÝ ĐỊA CHÍNH
XÃ QUẢNG TIẾN
TỜ SỐ 17 (974 543 -7)

TÊN KHU ĐO: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU Ở MỚI THÔN HÀ TIẾN
XÃ QUẢNG TIẾN, HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định giao đất số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND huyện Quảng Trạch)

NH QUẢNG BÌNH - HUYỆN QUẢNG TRẠCH

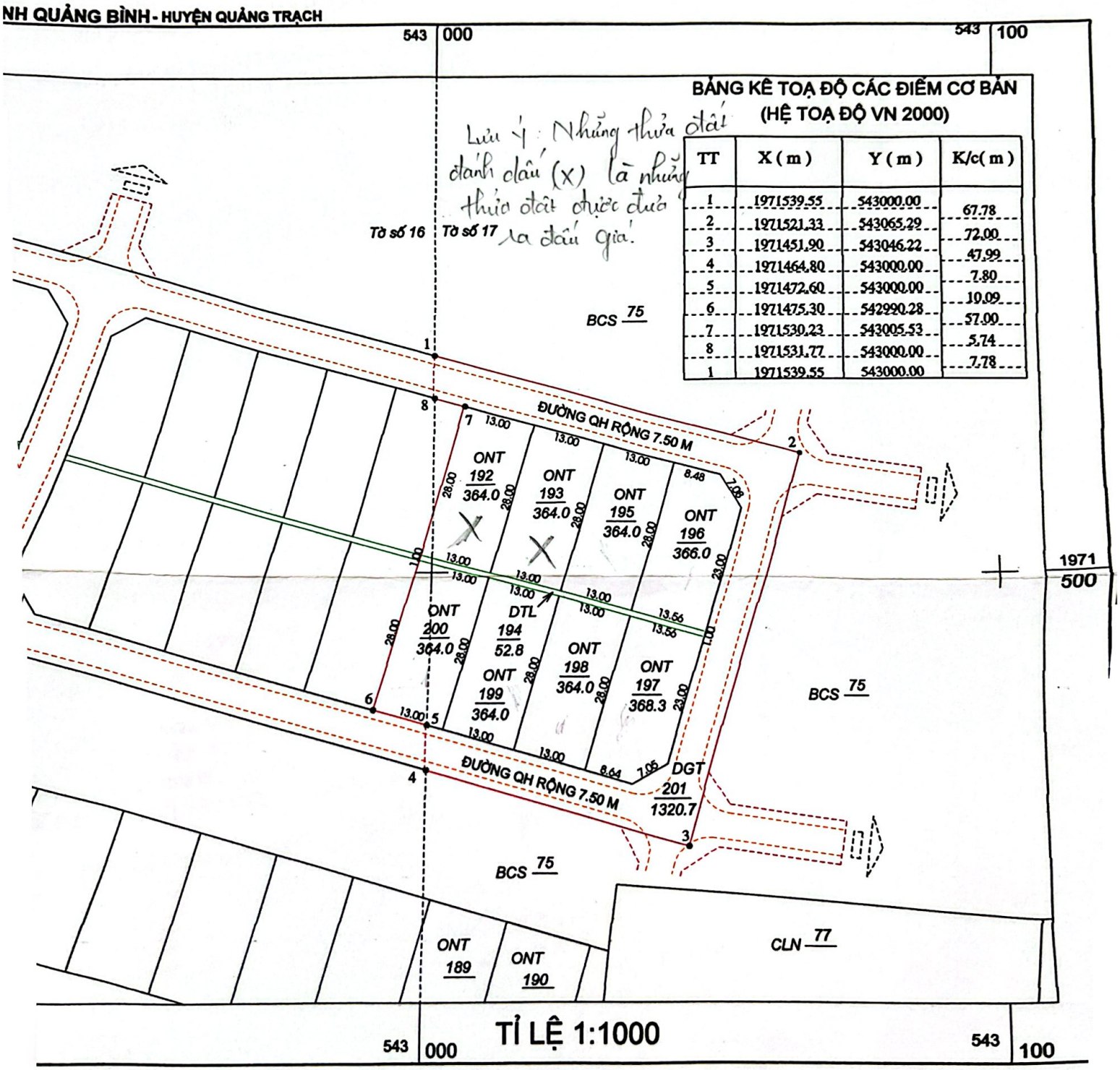

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

TT	X (m)	Y (m)	K/c(m)
1	1971539.55	543000.00	
			67.78
2	1971521.33	543065.29	
			72.00
3	1971451.90	543046.22	
			47.99
4	1971464.80	543000.00	
			7.80
5	1971472.60	543000.00	
			10.09
6	1971475.30	542990.28	
			57.00
7	1971530.23	543005.53	
			5.74
8	1971531.77	543000.00	
			7.78
1	1971539.55	543000.00	

Lưu ý: Những thửa đất đánh dấu (X) là những thửa đất được đưa ra đấu giá.

tháng 3 năm 2019
Đơn vị đo đạc
TVDV ĐO ĐẠC QUẢNG BÌNH

Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Đơn vị kiểm tra
PHÒNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM

Duyệt, ngày 20 tháng 3 năm 2019
Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình
KT. GIÁM ĐỐC

Scanned with CamScanner

CHỈNH LÝ ĐỊA CHÍNH
XÃ QUẢNG TIẾN
TỜ SỐ 16 (974 540 -9)

TÊN KHU ĐO: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU Ở MỚI THÔN HÀ TIẾN
XÃ QUẢNG TIẾN, HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

n theo Quyết định giao đất số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND huyện Quảng Trạch)

800 900

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

TT	X (m)	Y (m)	K/c(m)
1	1971646.75	542615.95	
2	1971539.55	543000.00	398.73
3	1971531.77	543000.00	7.78
4	1971530.23	543005.53	5.74
5	1971475.30	542990.28	57.00
6	1971472.60	543000.00	10.09
7	1971464.80	543000.00	7.80
8	1971577.32	542596.80	418.61
9	1971580.88	542597.46	3.62
1	1971646.75	542615.95	68.42

· Lưu ý: Thửa đất được đánh dấu(x) là thửa đất được đưa ra đấu giá

